

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ II NĂM 2022**

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

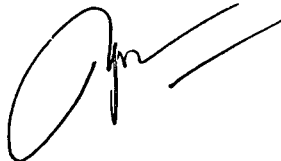
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2022**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2022	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2022	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2022	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2022	5-21

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

PHÒNG GIÁM ĐỐC



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ II NĂM 2022

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2022	NGÀY 01/01/2022
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		452.216.955.266	341.929.970.881
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	246.702.279.895	174.711.618.987
1 - Tiền	111		246.702.279.895	154.711.618.987
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	80.252.904.110	40.000.000.000
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.252.904.110	40.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.353.892.996	52.838.677.704
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20.724.932.509	22.370.437.740
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.735.876.065	1.180.489.885
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.584.672.200	39.979.337.857
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.691.587.778)	(10.691.587.778)
IV - Hàng tồn kho	140		53.542.269.647	43.318.914.139
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	53.542.269.647	43.318.914.139
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		41.365.608.618	31.060.760.051
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.762.793.545	2.569.764.889
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.464.863.173	22.827.630.352
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	137.951.900	5.663.364.810
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		308.896.498.137	364.405.019.210
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		262.419.866.417	305.988.469.044
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	262.121.777.519	305.599.380.150
- Nguyên giá	222		1.389.694.814.964	1.389.694.814.964
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.127.573.037.445)	(1.084.095.434.814)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	298.088.898	389.088.894
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(366.565.602)	(275.565.606)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.987.987.065	5.424.942.921
- Nguyên giá	231		24.550.647.769	24.550.647.769
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.562.660.704)	(19.125.704.848)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	2.738.973.004	1.030.015.564
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.738.973.004	1.030.015.564
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.141.890.805	5.121.679.205
1 - Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(395.537.720)	(415.749.320)
V - Tài sản dài hạn khác	260		33.607.780.846	46.839.912.476
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	33.607.780.846	46.839.912.476
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		761.113.453.403	706.334.990.091

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

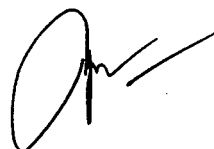
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2022	NGÀY 01/01/2022
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		364.144.470.504	464.654.254.284
I - Nợ ngắn hạn	310		345.127.020.504	373.582.935.450
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	49.688.287.759	24.368.389.261
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.344.139.000	111.355.200
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	27.958.048.952	61.487.640
4 - Phải trả người lao động	314		39.744.293.569	30.696.658.922
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.011.041.482	912.500.990
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	35.024.026.134	31.072.272.120
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	90.989.329.156	154.559.321.386
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	98.410.512.352	130.767.814.831
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		957.342.100	1.033.135.100
II - Nợ dài hạn	330		19.017.450.000	91.071.318.834
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	9.874.262.994
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	19.017.450.000	81.197.055.840
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		396.968.982.899	241.680.735.807
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	396.968.982.899	241.680.735.807
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		114.036.261.045	(41.251.986.047)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.180.894.603)	(80.705.528.709)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		115.217.155.648	39.453.542.662
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		761.113.453.403	706.334.990.091

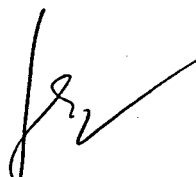
Lập ngày 10 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

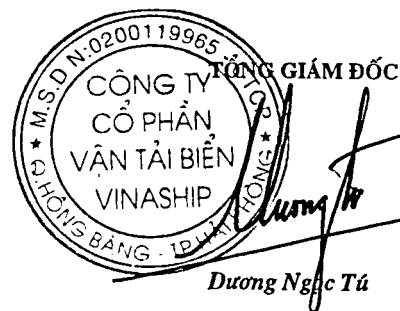


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Đương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số : B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II		LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II	
			QUÝ II NĂM 2022	QUÝ II NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2021
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	310.808.452.236	227.670.918.688	532.040.431.676	364.481.798.878
2- Các khoản giảm trừ	02			-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	310.808.452.236	227.670.918.688	532.040.431.676	364.481.798.878
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	210.086.227.609	161.430.884.860	366.891.979.893	292.624.926.087
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		100.722.224.627	66.240.033.828	165.148.451.783	71.856.872.791
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	1.707.631.047	7.767.263.688	2.867.044.253	7.915.243.339
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	3.240.521.103	5.931.795.970	6.926.847.109	11.410.001.887
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.781.426.210	5.614.789.548	6.343.968.389	11.020.877.470
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	7.428.758.542	6.306.763.532	11.618.900.320	10.181.321.838
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	10.066.898.650	7.676.797.650	17.822.703.950	12.911.606.404
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)	30		81.693.677.379	54.091.940.364	131.647.044.657	45.269.186.001
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	61.454.225.443	12.768.426.376	61.454.225.670	24.768.426.774
12 - Chi phí khác	32	VI.31	-	1.000.000.000	-	1.000.000.001
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		61.454.225.443	11.768.426.376	61.454.225.670	23.768.426.773
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		143.147.902.822	65.860.366.740	193.101.270.327	69.037.612.774
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		27.930.747.174	-	37.813.023.235	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		115.217.155.648	65.860.366.740	155.288.247.092	69.037.612.774
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.761	3.293	7.764	3.452
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU

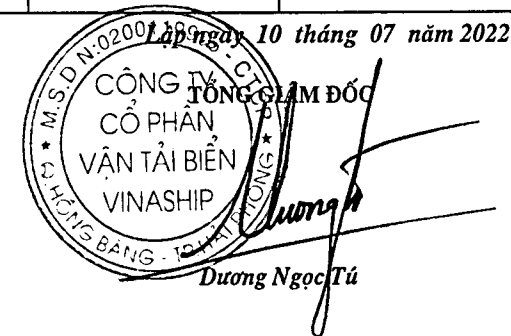


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

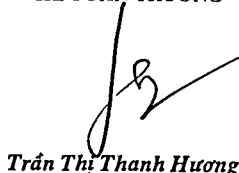
Quý II năm 2022

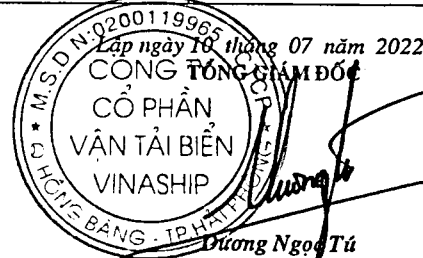
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			năm 2022	năm 2021
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		193.101.270.327	69.037.612.774
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		44.005.558.483	43.187.507.553
- Các khoản dự phòng	03		(20.211.600)	(566.941.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		161.338.242	(680.415.740)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(614.934.527)	(6.997.496.894)
- Chi phí lãi vay	06		6.343.968.389	11.020.877.470
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(61.350.008.110)	(24.767.043.813)
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		181.626.981.204	90.234.099.950
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.443.628.730	13.629.686.750
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.223.355.508)	(2.556.737.105)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.499.937.233	25.389.604.612
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.039.102.974	(6.092.230.592)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(726.696.636)	(5.788.691.455)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.515.809.236)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(75.793.000)	(448.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		205.067.995.761	114.366.932.160
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.526.026.694)	(4.190.746.000)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.252.904.110)	(40.000.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(456.228.000)
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.478.852.256
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.209.016.720	8.176.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(42.569.914.084)	(34.159.945.706)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	-	4.190.000.000
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(94.591.030.420)	(9.540.000.000)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.900.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(94.594.930.420)	(5.350.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		67.903.151.257	74.856.986.454
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		174.711.618.987	19.587.028.863
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.087.509.651	52.671.662
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		246.702.279.895	94.496.686.979

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Bảo Ngọc

KÊ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY II NĂM 2022

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 51 %

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền,phường Minh Khai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 373 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;
- Dịch vụ hợp tác lao động ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý II năm 2022 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Thị trường cước tàu hàng khô quốc tế trong quý 2/2022 có sự suy giảm nhẹ về cuối quý tuy nhiên vẫn ở mức cao nên doanh thu vận tải biển vượt trội so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy giá dầu thô liên tục tăng cao do ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga và Ukraine, giá dầu trong nước cũng liên tục tăng, nhiều thời điểm lượng nhiên liệu không có sẵn để giao song công ty đã chủ động ứng phó bằng nhiều biện pháp, vì vậy đã kiểm soát được chi phí và đảm bảo hoạt động của đội tàu. Trong kỳ, đội tàu quay vòng liên tục, không có tàu nào lên đà sửa chữa định kỳ.

Trong quý 2/2022, Công ty được ghi nhận thu nhập từ việc tái cơ cấu tài chính với các tổ chức tín dụng (61,3 tỷ đồng).

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán quý II : bắt đầu từ ngày 01/04 kết thúc vào ngày 30/06 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2022 bắt đầu từ ngày 01/04/2022 đến 30/06/2022.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ

tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	857.962.500	529.296.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	245.844.317.395	154.182.322.987
- Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Cộng	<u><u>246.702.279.895</u></u>	<u><u>174.711.618.987</u></u>
2- Các khoản đầu tư tài chính		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.252.904.110	40.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	80.252.904.110	40.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.537.428.525	5.537.428.525
- Đầu tư góp vốn vào công ty con	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Góp vốn bằng tiền mặt	4.207.068.905	4.207.068.905
+ Góp vốn bằng tài sản cố định	620.639.567	620.639.567
+ Góp vốn bằng hàng tồn kho	172.291.528	172.291.528
- Đầu tư cổ phiếu	537.428.525	537.428.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2022</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 11 CP	409.605	409.605
Cộng	<u><u>85.790.332.635</u></u>	<u><u>45.537.428.525</u></u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(395.537.720)	(415.749.320)
Cộng	<u><u>(395.537.720)</u></u>	<u><u>(415.749.320)</u></u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	1.479.280.194	1.699.469.734
- Cty CP Vận tải biển Hoàng Sơn	10.635.289.073	10.635.289.073
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	8.610.363.242	10.035.678.933
Cộng	<u><u>20.724.932.509</u></u>	<u><u>22.370.437.740</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	3.966.999.440	3.718.115.529
- Ký cược, ký quỹ	1.369.000.000	21.369.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.467.529.106	3.399.486.506
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	8.695.886	10.831.386
- Bảo hiểm xã hội	201.529.996	188.299.034
- Bảo hiểm thất nghiệp	31.698.547	29.615.504
- Phải thu khoản hỗ trợ thành phố trong việc bàn giao đất TM8	-	317.252.000
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
-Lãi dự thu	-	594.082.193
- Các khoản phải thu khác	212.776.238	26.212.718
+ Phải thu khác	<u>212.776.238</u>	<u>26.212.718</u>
Cộng	<u><u>17.584.672.200</u></u>	<u><u>39.979.337.857</u></u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
-Nguyễn Văn Bình	370.500.000	370.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	88.033.050	88.033.050
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
Cộng	<u><u>10.691.587.778</u></u>	<u><u>10.691.587.778</u></u>
6- Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	<u>53.542.269.647</u>	<u>43.318.914.139</u>
Cộng	<u><u>53.542.269.647</u></u>	<u><u>43.318.914.139</u></u>
	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lộ đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	<u>2.647.015.804</u>	<u>938.058.364</u>
Cộng	<u><u>2.738.973.004</u></u>	<u><u>1.030.015.564</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

8 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình 06 tháng năm 2022

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1 . Số dư đầu kỳ		6.330.856.188	1.382.915.815.469	130.752.694	317.390.613	1.389.694.814.964
2 . Số tăng trong kỳ		-	-	-	-	-
Trong đó :						
- Do mua sắm						-
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
3 . Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4 . Số cuối kỳ		6.330.856.188	1.382.915.815.469	130.752.694	317.390.613	1.389.694.814.964
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.239.945.900	80.908.178.953	100.752.694	284.881.522	84.533.759.069
- Chờ thanh lý						-
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1 . Đầu kỳ		4.981.617.675	1.078.694.455.184	124.185.883	295.176.072	1.084.095.434.814
2 . Tăng trong kỳ		84.279.168	43.387.116.967	2.142.858	4.063.638	43.477.602.631
- Khấu hao		84.279.168	43.387.116.967	2.142.858	4.063.638	43.477.602.631
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3 . Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4 . Số cuối kỳ		5.065.896.843	1.122.081.572.151	126.328.741	299.239.710	1.127.573.037.445
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1 . Đầu kỳ		1.349.238.513	304.221.360.285	6.566.811	22.214.541	305.599.380.150
2 . Cuối kỳ		1.264.959.345	260.834.243.318	4.423.953	18.150.903	262.121.777.519
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			252.553.091.862			252.553.091.862

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình 06 tháng năm 2022

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
- Mua trong kỳ			-
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
-Giảm khác			-
4 . Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Đầu kỳ	-	275.565.606	275.565.606
2 . Tăng trong kỳ	-	90.999.996	90.999.996
Do trích khấu hao		90.999.996	90.999.996
3 . Giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
- Giảm khác			-
4 . Số cuối kỳ	-	366.565.602	366.565.602
III - Giá trị còn lại			
1 . Đầu kỳ	-	389.088.894	389.088.894
2 . Cuối kỳ	-	298.088.898	298.088.898

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 06 tháng năm 2022 : Không có

11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư 06 tháng năm 2022

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số dư cuối kỳ	24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu kỳ	18.997.414.702	128.290.146	19.125.704.848
2 . Số tăng trong kỳ	436.955.856	-	436.955.856
- Do chuyển từ TSCĐ sang			-
- Do trích khấu hao	436.955.856		436.955.856
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	19.434.370.558	128.290.146	19.562.660.704
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu kỳ	5.424.942.921	-	5.424.942.921
4 . Số dư cuối kỳ	4.987.987.065	-	4.987.987.065

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.760.826.019	2.544.186.967
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.967.526	25.577.922
Cộng	<u><u>2.762.793.545</u></u>	<u><u>2.569.764.889</u></u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	33.603.197.513	46.821.579.143
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.583.333	18.333.333
Cộng	<u><u>33.607.780.846</u></u>	<u><u>46.839.912.476</u></u>
14- Vay và nợ thuê tài chính	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
a) Vay ngắn hạn	74.313.512.352	28.000.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	-	28.000.000.000
+ Nợ ngắn hạn DATC	74.313.512.352	-
b) Vay dài hạn	43.114.450.000	183.964.870.671
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	24.097.000.000	102.767.814.831
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	24.097.000.000	31.097.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	71.670.814.831
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	19.017.450.000	81.197.055.840
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	19.017.450.000	25.713.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	55.483.605.840
+ Nợ dài hạn DATC	-	-
Cộng	<u><u>117.427.962.352</u></u>	<u><u>211.964.870.671</u></u>
15- Phải trả người bán	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Monjasa	9.877.494.247	-
Cty CP xuất nhập khẩu Kim Việt	20.992.249.724	3.107.559.450
Cty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long	5.147.499.999	-
Phải trả các đối tượng khác	13.671.043.789	21.260.829.811
Cộng	<u><u>49.688.287.759</u></u>	<u><u>24.368.389.261</u></u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
a) Phải nộp		
- Thuế TNDN	27.930.747.174	-
- Thuế môn bài	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	27.301.778	61.487.640
Cộng	<u><u>27.958.048.952</u></u>	<u><u>61.487.640</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	-	5.366.466.825
- Tiền thuê đất do được giảm 30%	137.951.900	296.897.985
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước	-	-
Cộng	137.951.900	5.663.364.810
17- Chi phí phải trả	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	121.041.482	136.990.990
- Chi phí phải trả khác	890.000.000	775.510.000
	1.011.041.482	912.500.990
b) Dài hạn		
	-	-
18- Phải trả khác	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	111.936.899	221.038.600
- Kinh phí công đoàn	43.849.468	33.288.974
- Bảo hiểm y tế	48.358.513	48.191.321
- Thuế TNCN	40.637.924	40.638.313
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.686.441.588	7.690.341.588
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.821.104.938	1.673.159.607
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	21.754.042.683	37.863.792.536
- Nợ chờ xử lý do tái cơ cấu	58.628.174.289	106.389.790.051
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	822.782.854	567.080.396
Cộng	90.989.329.156	154.559.321.386
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	-	9.874.262.994
Cộng	-	9.874.262.994
19- Doanh thu chưa thực hiện	Ngày 30/06/2022	Ngày 01/01/2022
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	35.024.026.134	31.057.933.597
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	-	14.338.523
Cộng	35.024.026.134	31.072.272.120

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý II năm 2022**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2020				177.311.341.167	177.311.341.167
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(41.251.986.047)	241.680.735.807
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(41.251.986.047)	241.680.735.807
-Lãi Quý I				40.071.091.444	40.071.091.444
-Lãi Quý II				115.217.155.648	115.217.155.648
Số dư cuối ngày 30/06/2022	200.000.000.000	-	82.932.721.854	114.036.261.045	396.968.982.899

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/04/2022</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VDL	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
	200.000.000.000	200.000.000.000
ũ) Cổ phiếu	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
đ) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	<u>06 tháng năm 2022</u>	<u>06 tháng năm 2021</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	0	-
+ Số dư quỹ cuối năm	82.932.721.854	82.932.721.854
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>06 tháng năm 2022</u>	<u>06 tháng năm 2021</u>
+ Số dư quỹ đầu kỳ	1.033.135.100	1.675.035.100
+ Tăng trong kỳ	479.607.000	-
<i>Thu nhập từ bán cổ phiếu VNA đầu tư từ quỹ phúc lợi</i>	479.607.000	-
+ Giảm trong kỳ	555.400.000	448.800.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	957.342.100	1.226.235.100
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	9.732.953,94	6.530.523,26

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	532.040.431.676	364.481.798.878
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	507.336.818.971	353.138.852.990
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	24.703.612.705	11.342.945.888
	<u>532.040.431.676</u>	<u>364.481.798.878</u>
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)		
	<u>532.040.431.676</u>	<u>364.481.798.878</u>
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	344.270.976.690	282.387.090.619
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	22.621.003.203	10.237.835.468
	<u>366.891.979.893</u>	<u>292.624.926.087</u>
Cộng		
	<u>366.891.979.893</u>	<u>292.624.926.087</u>
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	614.923.727	8.176.038
- Lãi bán cổ phiếu	-	7.005.468.600
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.800	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.252.109.726	221.182.961
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	680.415.740
	<u>2.867.044.253</u>	<u>7.915.243.339</u>
Cộng		
	<u>2.867.044.253</u>	<u>7.915.243.339</u>
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)		
	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
- Chi phí lãi vay	6.343.968.389	11.020.877.470
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	441.690.751	710.516.550
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	161.338.242	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(20.211.600)	(338.117.400)
- Chi phí tài chính khác	61.327	16.725.267
	<u>6.926.847.109</u>	<u>11.410.001.887</u>
Cộng		
	<u>6.926.847.109</u>	<u>11.410.001.887</u>
30- Thu nhập khác		
	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	61.350.008.110	24.767.043.813
- Các khoản khác	104.217.560	1.382.961
	<u>61.454.225.670</u>	<u>24.768.426.774</u>
Cộng		
	<u>61.454.225.670</u>	<u>24.768.426.774</u>
31- Chi phí khác		
	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng năm 2021</u>
-Tiền ủng hộ quỹ vacxin phòng dịch Covid 19	-	1.000.000.000
- Các khoản khác	-	1
	<u>-</u>	<u>1.000.000.001</u>
Cộng		
	<u>-</u>	<u>1.000.000.001</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
a) Chi phí bán hàng	11.618.900.320	10.181.321.838
Hoa hồng phí cho các tàu	11.618.900.320	10.181.321.838
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.822.703.950	12.911.606.404
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	513.211.230	510.993.036
Chi phí nhân công	14.734.334.510	10.470.688.060
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.430.965	336.370.579
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	(228.824.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	883.307.441	581.042.088
Chi phí khác bằng tiền	1.303.419.804	1.236.336.641
Cộng	<u><u>29.441.604.270</u></u>	<u><u>23.092.928.242</u></u>
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.019.000.241	124.890.860.907
- Nhiên liệu	163.742.848.091	115.137.695.401
- Nguyên liệu, vật liệu	9.276.152.150	9.753.165.506
33.2- Chi phí nhân công	60.154.889.337	43.763.485.859
- Tiền lương	53.462.961.720	37.528.476.400
- BHXH	2.546.221.498	2.323.307.805
- Bảo hiểm y tế	252.894.000	245.795.316
- Bảo hiểm thất nghiệp	(21.375)	132.760.446
- Kinh phí công đoàn	299.560.494	265.520.892
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.593.273.000	3.267.625.000
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.005.558.483	43.187.507.553
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.247.756.022	100.876.330.424
33.6- Chi phí khác bằng tiền	2.906.380.080	3.228.493.586
Cộng	<u><u>396.333.584.163</u></u>	<u><u>315.946.678.329</u></u>
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37.813.023.235	-

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	4.190.000.000
- Tiền thu từ đi vay	-	4.190.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	94.591.030.420	9.540.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	94.591.030.420	9.540.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

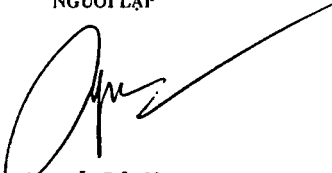
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

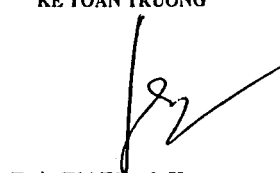
Các hoạt động	Quý II năm 2022	06 tháng năm 2022	Quý II năm 2021	06 tháng năm 2021
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	287.199.699.646	507.336.818.971	222.515.847.577	353.138.852.990
- Chi phí	205.400.905.224	373.650.883.344	170.783.543.319	305.480.018.861
- Lợi nhuận	81.798.794.422	133.685.935.627	51.732.304.258	47.658.834.129
Hoạt động dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	23.608.752.590	24.703.612.705	5.155.071.111	11.342.945.888
- Chi phí	22.180.979.577	22.682.700.819	4.630.902.723	10.237.835.468
- Lợi nhuận	1.427.773.013	2.020.911.886	524.168.388	1.105.110.420
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	1.707.631.047	2.867.044.253	7.767.263.688	7.915.243.339
- Chi phí tài chính	3.240.521.103	6.926.847.109	5.931.795.970	11.410.001.887
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(1.532.890.056)	(4.059.802.856)	1.835.467.718	(3.494.758.548)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	61.454.225.443	61.454.225.670	12.768.426.376	24.768.426.774
- Chi phí hoạt động khác	-	-	1.000.000.000	1.000.000.001
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	61.454.225.443	61.454.225.670	11.768.426.376	23.768.426.773

NGƯỜI LẬP

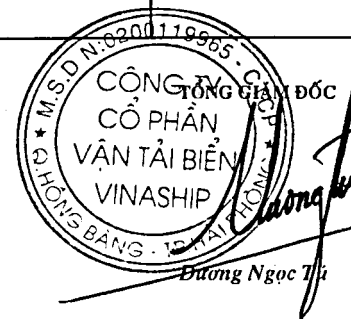


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	1.903.911.263	1.053.690.258
Thu nhập của Tổng Giám đốc	448.680.632	308.691.647
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 30/06/2021</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	7.179.066.588	7.179.066.588
- Phải trả khác	37.000.000	-
	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
- Doanh thu	-	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
2.2 Với Công ty con - Cty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	<u>Ngày 30/06/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.200.000	4.994.768
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
	<u>06 tháng Năm 2022</u>	<u>06 tháng Năm 2021</u>
- Doanh thu	28.947.762	29.067.732
- Mua hàng hóa, dịch vụ	20.000.000	4.379.378